TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tài Tính.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Bà Phạm Thị Hồng Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi* tham gia phiên tòa**: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Trịnh Ngọc H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị và anh Trịnh Ngọc H quen biết tìm hiểu, yêu thương được một thời gian thì tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2016.

Trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, anh H sống không quan tâm, chăm sóc vợ con nên thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau. Chị đã cố gắng chịu đựng hy vọng anh H thay đổi nhưng anh H ngày càng lạnh nhạt. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, phần ai nấy sống, không quan tâm, không liên lạc gì với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đ không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Ngọc H.

Về con chung: Chị Đ trình bày có một con chung tên Trịnh Nguyễn Kim N, sinh ngày 21/01/2016. Hiện nay cháu N đang sống chung với chị Đ, khi ly hôn chị Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trịnh Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thu lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hồ sơ không thể hiện ý kiến của anh H.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo Giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ. Đối với con chung tên Trịnh Nguyễn Kim N, sinh ngày 21/01/2016, hiện nay đang sống chung với chị Đ, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ngân cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Đ tự

nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Trịnh Ngọc H đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại thôn Thôn 3, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Trịnh Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 102/TB-TLVA ngày 02/6/2020; hai giấy triệu tập số 127/GTT-TA và số 128/GTT-TA ngày 20/6/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 304/TB-TA ngày 09/7/2020; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 229/TB-TA ngày 25/7/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2020, nhưng anh H không hợp tác, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trịnh Ngọc H và chị Nguyễn Thị Đ là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trịnh Ngọc H tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống, giữa chị Đ và anh H có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên chị Đ và anh H đoàn tụ, nhưng anh H không hợp tác, không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh H không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, phù hợp với lời

trình bày của chị Đ là quan hệ tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ, cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Trịnh Ngọc H là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Đ và anh H có một con chung tên Trịnh Nguyễn Kim N, sinh ngày 21/01/2016. Hiện nay cháu N đang sống chung với chị Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N là bé gái, hiện nay còn nhỏ và đang được chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H từ khi sống ly thân với chị Đ không quan tâm, chăm sóc cháu N. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu N, cần tiếp tục giao cháu N cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ. Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Trịnh Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Nguyễn Kim N, sinh ngày 21/01/2016 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002397 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trịnh Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chị cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã N, huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tài Tính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**